TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-ST
Ngày: 01/10/2018
V/v: "Tranh chấp chia tài sản thi hành án"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Ngọc Giới
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viển kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 01/10/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2016/TLST- DS ngày 04/10/2016 về tranh chấp "Tài sản thi hành án". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX- ST ngày 01/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Văn S sinh năm 1987
Do bà Trịnh Thanh V sinh năm 1983
Đều địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ghi ngày 03/01/2018- vắng mặt)
- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn Đ sinh năm 1957 (vắng mặt)
Bà Lê Thị H sinh năm 1961 (vắng mặt)
Đều địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
1/ Chị Trịnh Thanh V sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).
2/ Anh Trịnh Văn V1 sinh năm 1982
Địa chỉ: Phố B, thị trấn Đ1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
3/ Ông Đỗ Thanh T1 sinh năm 1960 (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị S1 sinh năm 1961 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Phố T2, thị trấn Đ1, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5/ Chi cục thi hành án dân sự huyện L do ông Đoàn Văn H1- Phó chi cục trưởng đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn anh Trịnh Văn S do chị Trịnh Thanh V đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện L cấp ngày 13/10/2006 tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. mang tên hộ ông Trịnh Văn Đ gồm các thành viên trong hộ: Ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H, chị Trịnh Thanh V, anh Trịnh Văn S theo giấy chứng nhận được cấp với diện tích là 961,5m^2 tại thửa số 132, tờ bản đồ số 46. Tháng 06/2013 ông Đ, bà H đã ký văn tự bán nhà, đất cho ông T1, bà S1 ở phố T2, thị trấn Đ1 toàn bộ diện tích đất 961,5m^2 trên đất có 01 nhà 2 tầng. Trong quá trình giao dịch chuyển nhượng nhà đất, ông Đ, bà H không đưa các thành viên trong gia đình vào tham gia tố tụng cụ thể là anh S, dẫn đến các bên có sự tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất. Theo bản án sơ thẩm số 12/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và bản án phúc thẩm số 23/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa ông Đ, bà H với ông T1, bà S1 đối với mảnh đất có diện tích 961,5m^2 vô hiệu. Buộc ông Đ, bà H phải hoàn trả cho vợ chồng ông T1, bà S1 số tiền 550.000.000đ và tiền bồi thường thiệt hại do lỗi của hợp đồng là 137.681.000đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật chi cục thi hành án dân sự huyện L đã có văn bản thông báo số 460 ngày 06/9/2016 thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tại bản án số 12 ngày 20/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và bản án số 23/2016 của TAND tỉnh Bắc Giang, cụ thể thông báo cho người phải thi hành án là ông Đ, bà H, người có quyền sở hữu chung đối với tài sản là thửa đất trên là anh S có quyền thỏa thuận phân chia tài sản chung, khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L. Chính vì vậy anh S hiện chưa xây dựng gia đình, vẫn ở chung với ông Đ, bà H, chưa có đất, nhà ở riêng. Để đảm bảo quyền lợi anh S đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà H có trách nhiệm chia cho anh S số diện tích đất là 250m^2 (trong đó là 60m^2 đất ở, 190m^2 đất vườn) đều nằm trong tổng diện tích đất 961,5m^2 ở thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang hiện đứng tên chủ hộ là Trịnh Văn Đ.

Do công việc chị V xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H đều trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Năm 2006 gia đình ông, bà được UBND huyện L cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, bà được quyền sử dụng 961m^2 đất ở và đất vườn ở thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chủ hộ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông. Trong diện tích đất này gồm có các thành viên của gia đình ông, bà được quyền sử dụng: Ông, bà, anh Tịnh Văn V1, anh Trịnh Văn S, chị Trịnh Thanh V đều là các con của ông, bà. Tháng 06/2013 vợ chồng ông đã chuyển nhượng diện tích đất trên cùng với tài sản trên đất cho vợ chồng ông T1, bà S1 ở phố T2, thị trấn Đ1 với trị giá 750.000.000đ. Vợ chồng ông T1, bà S1 đã trả trước cho vợ chồng ông, bà 550.000.000đ. Việc chuyển nhượng đất và tài sản trên đất trên vợ chồng ông , bà không hỏi ý kiến của con trai là Trịnh Văn S do vậy đã xảy ra tranh chấp, căn cứ vào bản án số 12/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và bản án phúc thẩm số 23/2016 của TAND tỉnh Bắc Giang đã hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên và buộc vợ chồng ông, bà phải trả số tiền đặt cọc cho vợ chồng ông T1 là 550.000.000đ cùng với tiền thiệt hại của hợp đồng là 137.681.000đ. Sau đó bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án dân sự huyện L đã có công văn thông báo cho ông, bà để xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án và thông báo cho anh S là người có quyền sở hữu chung đối với tài sản tại bản án số 12 ngày 20/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và bản án số 23/2016 của TAND tỉnh Bắc Giang. Sau khi nhận được thông báo anh S có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện L đề nghị Tòa án buộc ông, bà chia cho anh 250m^2 đất ở và đất vườn nằm trong tổng diện tích đất 961m^2 mà đã được UBND huyện L cấp năm 2006 tại N, T cho hộ gia đình ông, bà được quyền sử dụng. Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đ, bà H vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trịnh Văn V1 trình bày trong bản tự khai: Anh là con ông Đ, bà H. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, UBND huyện đã cấp cho hộ gia đình anh được quyền sử dụng 961m^2 đất ở, đất vườn ở thôn N, T, L là đúng. Hiện tại anh S chưa có đất ở riêng vẫn ở chung với bố, mẹ anh. Diện tích đất trên anh S cũng là 1 thành viên trong hộ gia đình. Nay anh S đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà H chia cho anh S 250m^2 đất ở và đất vườn, anh đề nghị Tòa án xem xét theo yêu cầu của anh S để đảm bảo quyền lợi cho anh S, anh không có yêu cầu phân chia diện tích đất trên.

Do công việc bận anh xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

- Chị Trịnh Thanh V trình bày: Năm 2006, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình chị được quyền sử dụng 961m^2 đất ở và đất vườn ở thôn N, T, L, Bắc Giang là đúng. Trong hộ gia đình chị có cả anh Trịnh Văn S là con của ông Đ, bà H. Hiện tại anh S chưa có đất ở riêng, anh S

yêu cầu bà H, ông Đ chia cho anh S được quyền sử dụng 250m^2 đất ở và đất vườn nằm trong tổng diện tích 961m^2 đất ở và đất vườn là phù hợp, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để anh S có nơi ở ổn định, chị không có yêu cầu phân chia diện tích đất trên.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

- Ông Đỗ Thanh T1, bà Nguyễn Thị S1 đều trình bày trong bản tự khai: Tháng 06/2013 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng 961m^2 đất ở và đất vườn và trên đất có 01 nhà tầng của vợ chồng ông Đ, bà H ở thôn N, T, L với giá tiền là 750.000.000đ. Vợ chồng ông, bà đã trả trước 550.000.000đ, còn lại sau khi làm thủ tục xong thì trả nốt. Trong quá trình làm thủ tục thì hai bên xảy ra tranh chấp. Tại bản án sơ thẩm số 12/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và bản án phúc thẩm số 23/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa vợ chồng ông, bà với vợ chồng ông Đ, bà H vô hiệu. Buộc vợ chồng ông Đ, bà H phải thanh toán trả vợ chồng ông, bà 550.000.000đ và 137.681.000đ tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng. Nay anh S đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Đ, bà H phải chia một phần diện tích đất nằm trong tổng diện tích đất 961m^2 mà vợ chồng ông Đ đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà, ông, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Do công việc bận ông, bà xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

- Chi cục thi hành án dân sự huyện L do ông Đoàn Văn H1 - Phó chi cục trưởng đại diện theo ủy quyền trình bày trong bản tự khai: Cục thi hành án dân sự huyện L tổ chức thi hành bản án số 12/2015/DS-ST của TAND huyện L, bản án số 23/2016/DS-PT của TAND tỉnh Bắc Giang. Theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm tuyên và theo đơn yêu cầu, chi cục thi hành án dân sự huyện L ban hành quyết định thi hành án số 99/QĐ ngày 25/5/2016 cho thi hành đối với bản án buộc ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Thanh T1 số tiền 687.681.000đ. Quá trình tổ chức thi hành án, qua làm việc xác minh thực tế cho thấy ông Đ, bà H cùng con trai là anh S đang quản lý, sử dụng diện tích 961,5m^2 đất ở và đất vườn và tài sản trên đất là 01 nhà 2 tầng ở thôn N, xã T, huyện L. Hiện Tòa án đang tiến hành giải quyết theo đơn yêu cầu của anh S khởi kiện về việc tranh chấp tài sản thi hành án dân sự là quyền sử dụng đất có diện tích 961,5m^2 thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 46, tại thôn N, xã T, huyện L. Để quyền lợi hợp pháp của cơ quan nhà nước và mọi công dân được đảm bảo, chi cục thi hành án dân sự huyện L đề nghị Tòa án nhân dân huyện L xem xét phân chia tài sản tranh chấp trên theo đúng quy định của pháp

luật để chi cục thi hành án dân sự huyện L có căn cứ xử lý tài sản đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

Do công việc bận ông xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá tình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị HĐXX căn cứ vào: Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 108, khoản 1 Điều 224 BLDS năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Xử:

- Buộc ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H có trách nhiệm chia cho anh Trịnh Văn S 250m^2 đất (gồm 60m^2 đất ở và 190m^2 đất vườn trị giá 72.780.000đ) nằm trong tổng diện tích 961,5m^2 đất ở, đất vườn thuộc số thửa 132, tờ bản đồ số 46, ở thôn N, T, L, Bắc Giang, cụ thể 250m^2 đất có các cạnh: tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 11,36m; tính từ điểm 2 đến điểm 3 dài 9,9m; tính từ điểm 3 đến điểm 5 dài (2,2m + 7,0m +8,6m) = 17,80m; tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 4,6m; tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 6,0m; tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 2,7m; tính từ điểm 8 đến điểm 1 dài 32,75m (có sơ đồ kèm theo); lối đi anh S tự mở.

- *Án phí:* Anh Trịnh Văn S phải chịu 3.639.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H phải chịu 6.975.075đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của KSV, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hợp lệ. Tại phiên tòa xét xử vụ án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 01/10/2018, nguyên đơn. bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Mảnh đất có diện tích 961,5m^2 (trong đó gồm 300m^2 đất ở và 661,5m^2 đất vườn, trên đất có 01 nhà 2 tầng) thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 46, tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện do ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H cùng con trai là anh Trịnh Văn S quản lý, sử dụng. Tháng 06/2013 ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H đã chuyển nhượng diện tích đất trên cùng với tài sản trên đất cho vợ

chồng ông Đỗ Thanh T1, bà Nguyễn Thị S1 ở phố T2, thị trấn Đ1, huyện L với giá là 750.000.000đ. Vợ chồng ông T1, bà S1 đã trả cho vợ chồng ông Đ, bà H trước số tiền là 550.000.000đ và hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau đó vợ chồng ông Đ, bà H đã không nhất trí chuyển nhượng, ông T1, bà S1 đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và tài sản trên đất. Tại bản án số 12/2015/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện L và bản án phúc thẩm số 23/2016/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa vợ chồng ông Đ, bà H và vợ chồng ông T1, bà S1 là vô hiệu, buộc vợ chồng ông Đ, bà H phải thanh toán trả cho vợ chồng ông T1, bà S1 số tiền 550.000.000đ và 137.681.000đ tiền bồi thường thiệt hại. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và theo đơn yêu cầu, Chi cục thi hành án dân sự huyện L đã ban hành quyết định số 99/QĐ-CCTHADS ngày 25/05/2016 cho thi hành đối với bản án trên, buộc ông Đ, bà H thanh toán trả ông T1 số tiền 687.681.000đ. Quá trình Chi cục thi hành án dân sự huyện L tổ chức thi hành, qua làm việc xác minh thì hiện ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H cùng con trai là anh Trịnh Văn S đang quản lý sử dụng diện tích 961,5m^2 đất ở và đất vườn cùng tài sản gắn liền trên đất ở thôn N, T, L. Chi cục thi hành án dân sự huyện L đã có công văn thông báo số 460 ngày 06/9/2016 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H, anh Trịnh Văn S. Sau khi nhận được thông báo của chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia tài sản thi hành án là 961,5m^2 đất ở và đất vườn thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 46, ở thôn N, xã T, huyện L, đứng tên chủ hộ là ông Trịnh Văn Đ. Anh S yêu cầu ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H có trách nhiệm chia cho anh được quyền sử dụng 250m^2 đất (gồm 60m^2 đất ở trị giá 64.800.000đ và 190m^2 đất vườn trị giá 7.980.000đ theo biên bản định giá ngày 10/6/2018) nằm trong tổng diện tích đất 961,5m^2 đất ở và đất vườn thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 46, ở thôn N, xã T, huyện L đã được UBND huyện L cấp cho hộ ông Trịnh Văn Đ. Phía ông Đ, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

HĐXX nhận thấy: Mảnh đất có diện tích 961,5m^2 đất ở và đất vườn thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 46, ở Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đ. Hiện ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H, anh Trịnh Văn S đang quản lý, sử dụng là tài sản chung của hộ gia đình. Nay anh S yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà H chia cho anh 250m^2 đất (gồm 60m^2 đất ở và 190m^2 đất vườn) nằm trong tổng diện tích đất trên. Xét thấy hiện anh S chưa có nơi ở ổn định, yêu cầu của anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên cần buộc ông Đ, bà H chia cho anh 250m^2 đất (gồm 60m^2 đất ở trị giá 64.800.000đ và 190m^2 đất vườn trị giá 7.980.000đ theo biên bản định giá

ngày 10/06/2018) ở thửa số 132, tờ bản đồ số 46, thuộc Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể diện tích 250m^2 đất ở, đất vườn có các cạnh: tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 11,36m; tính từ điểm 2 đến điểm 3 dài 9,9m; tính từ điểm 3 đến điểm 5 dài (2,2m + 7,0m +8,6m) = 17,80m; tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 4,6m; tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 6,0m; tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 2,7m; tính từ điểm 8 đến điểm 1 dài 32,75m (có sơ đồ kèm theo); lối đi anh S tự mở.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh S không yêu cầu chia công sức trong khối tài sản gồm 01 nhà 2 tầng, chị V, anh V1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị V, anh V1 không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về tiền chi phí định giá tài sản:* Ngày 09/03/2018, chị V đã nộp 3.500.000đ, Tòa án đã chi phí cho Hội đồng định giá và thẩm định là 3.500.000đ. Ngày 12/07/2018, Tòa án đã thanh toán xong với chị V. Nay chị V đại diện theo ủy quyền của anh S xin chịu cả, không yêu cầu ông Đ, bà H phải chịu . Xét thấy yêu cầu của chị V là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (72.780.000đ x 5% = 3.639.000đ). Ông Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (279.003.000đ : 2 x 5% = 6.975.075đ)

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 108, khoản 1 Điều 224 BLDS năm 2005;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Xử:

1. Buộc ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị H có trách nhiệm chia cho anh Trịnh Văn S 250m^2 đất (gồm 60m^2 đất ở và 190m^2 đất vườn trị giá 72.780.000đ) nằm trong tổng diện tích 961,5m^2 đất ở, đất vườn thuộc số thửa 132, tờ bản đồ số 46, ở thôn N, T, L, Bắc Giang, cụ thể 250m^2 đất có các cạnh: tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 11,36m; tính từ điểm 2 đến điểm 3 dài 9,9m; tính từ điểm 3 đến điểm 5 dài (2,2m + 7,0m +8,6m) = 17,80m; tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 4,6m; tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 6,0m; tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 2,7m; tính từ điểm 8 đến điểm 1 dài 32,75m (có sơ đồ kèm theo); lối đi anh S tự mở.

2. Án phí: Anh Trịnh Văn S phải chịu 3.639.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.750.000đ anh S đã nộp tại chi cục thi hành án dân

sự huyện L theo biên lai thu số AA/2010/001337 ngày 04/10/2016. Hoàn trả anh S 111.000đ.

Bà Lê Thị H phải chịu 6.975.075đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận :
- TAND Tỉnh ;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ . VP./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan